TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH AN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2024/DS-ST
Ngày: 21-6-2024
V/v: "Tranh chấp về hợp đồng góp hụi"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thành Hiệp
2. Ông Liêu Văn Lộc

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Bích Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Thu Hồng Em - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 214/2022/TLST-DS ngày 30 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp về hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 141/2024/QĐXX-DS ngày 13 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Tuyết T, sinh năm 1979 (có mặt);

Nơi cư trú: Tổ I, ấp B, xã A, C, An Giang.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Nơi cư trú: Tổ A, ấp B, xã A, C, An Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh Nguyễn Thanh P, sinh năm 1985 (vắng mặt);

Cư trú: Ấp B, xã A, huyện C, An Giang.

- Anh Võ Ngọc Hồng H, sinh năm 1977 (có mặt);

Nơi cư trú: Tổ I, ấp B, xã A, C, An Giang.

4. Người làm chứng:

Các ông bà Võ Hồng Cẩm N; Nguyễn Tấn C1; Võ Hồng Minh H1; Nguyễn Thị Hồng H2; Nguyễn Thị Kim Ý; Phạm Kim C2 đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 30/12/2022, tài liệu chứng cứ trong hồ sơ cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Tuyết T trình bày:

Trước đây, chị có tham gia chơi hụi do chị C làm chủ, các bên tham gia đều rất uy tín. Đến tháng10/2020 dương lịch, chị tiếp tục tham gia nhiều dây hụi, cụ thể:

- Dây 01 (Sổ hụi số 01): Hụi khui 1.000.000 đồng, một tháng khui một lần, khui ngày 16/10/2020 (d1), gồm 26 phần, chị tham gia 02 phần. Chị đã chầu đến ngày 16/02/2022 là được 17 lần, chưa hốt lần nào, đến ngày 16/02/2022 chị yêu cầu hốt thì chị C tuyên bố vỡ hụi. Số tiền đã đóng: 17 × 02 × 1.000.000 đồng = 34.000.000 đồng.

- Dây 02 (Sổ hụi số 02): Hụi khui 1.000.000 đồng, một tháng khui một lần, khui ngày 16/10/2020 (d1), gồm 26 phần, chị tham gia 03 phần. Chị đã chầu đến ngày 16/02/2022 là được 17 lần, chưa hốt lần nào. Số tiền đã đóng: 17 × 03 x 1.000.000 đồng = 51.000.000đồng.

- Dây 03: Hụi khui 1.000.000 đồng, một tháng khui một lần, khui ngày 09/11/2021 (dl), gồm 22 phần, chị tham gia 03 phần. Chị đã chầu đến ngày 09/02/2022 là được 04 lần, chị chưa hốt lần nào. Số tiền chị đã đóng: 04 x 03 x 1.000.000đồng = 12.000.000 đồng.

Quá trình chơi chụi, chị C có giao cho chị sổ hụi, các dây hụi trên chị tham gia trong sổ hụi đều ghi là "Chị gái", nhưng trong sổ chị C không có ký tên, khi chị đóng hụi thì chị C không có ký biên bản giao nhận tiền, chị có biết những người tham gia chơi hụi chung với chị dây hụi số 01 và 02 là chị Phạm Kim C2 và chị Nguyễn Thị Kim Ý. Cả hai đều biết rõ chị chơi hụi còn sống, tức chưa từng hốt các dây hụi trên. Đồng thời, vào ngày 16/8/2021, chồng chị là anh Võ Ngọc Hồng H có chuyển khoản số tiền 10.000.000 đồng vào tài khoản của anh Nguyễn Thanh P là chồng của chị C để đóng hụi. Do thời gian đã lâu nên không nhớ là đóng cho dây hụi nào, nhưng nhớ gộp chung của các dây hụi và sau khi cấn trừ lại tiền hụi thì anh P có đưa lại cho chị khoảng 3.000.000 đồng.

Tổng số tiền chị đã đóng của ba dây hụi là 97.000.000đồng. Sau khi vỡ hụi, chị C không hoàn trả lại số tiền hụi đã đóng, nhưng có đến năn nỉ chị xin trả dần cho chị mỗi ngày 50.000đồng, nhưng chị C vẫn không thực hiện, đến nay chị C cũng chưa thanh toán lại cho chị số tiền nào. Nay chị yêu cầu bị đơn chị Nguyễn Thị C phải trả số tiền tổng cộng là 97.000.000đ (Chín mươi bảy triệu đồng), không yêu cầu tính lãi suất.

Quá trình giải quyết vụ án, ngày 19/4/2024 nguyên đơn chị C khởi kiện bổ sung, yêu cầu bị đơn chị C có nghĩa vụ trả cho chị số tiền hụi còn nợ là 97.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 16/02/2022 cho đến ngày Tòa án xét xử. Yêu cầu bị đơn trả một lần số tiền nêu trên, không đồng ý cho trả dần.

* Đối với bị đơn chị Nguyễn Thị C: Mặc dù Tòa án đã tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng bị đơn chị C vẫn vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như vắng mặt tại phiên tòa; không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tuy nhiên, tại Biên bản lấy lời khai của bị đơn vào ngày 08/5/2024 thể hiện: bị đơn thừa nhận có làm chủ hụi và mở dây hụi cho nguyên đơn chị T tham gia. Chị T yêu cầu chị trả số tiền 97.000.000 đồng thì chị không đồng ý vì số tiền này bao gồm tiền vốn góp và lãi. Do vỡ hụi nên chị chỉ đồng ý trả số tiền vốn góp còn thiếu là 49.000.000 đồng (Bốn mươi chín triệu đồng). Vì hiện nay hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn nên xin trả dần mỗi ngày 50.000 đồng (Năm mươi nghìn đồng) cho đến khi hết số nợ.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Ngọc Hồng H trình bày:

Anh thống nhất với nội dung trình bày của vợ anh là chị T. Khi vợ anh tham gia hụi thì anh có chuyển khoản về cho anh Nguyễn Thanh P là chồng của chị C để đóng hụi thay cho vợ. Do thời gian quá lâu nên anh không nhớ cụ thể việc chuyển tiền cho dây hụi nào. Nhưng khẳng định có chuyển vào số tài khoản của anh P vào ngày 16/8/2021 số tiền 10.000.000 đồng.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh P trình bày: Anh P vắng mặt suốt quá trình giải quyết vụ án. Tại Biên bản lấy lời khai ngày 08/5/2024 thể hiện: Anh thừa nhận có nhận số tiền chuyển khoản từ anh H để nhận tiền góp hụi thay cho vợ anh, nhưng việc chuyển tiền để góp cho dây hụi nào thì anh không nhớ, vì thời gian đã lâu. Nguyên đơn yêu cầu trả số tiền 97.000.000 đồng thì anh không đồng ý, vì cho rằng chị T yêu cầu cả tiền lời và tiền vốn góp. Anh thừa nhận vợ anh chỉ nợ nguyên đơn số tiền hụi vốn góp là 49.000.000 đồng, nên đồng ý trả cho nguyên đơn số tiền là 49.000.000 đồng (Bốn mươi chín triệu đồng). Do vợ chồng đang gặp khó khăn về kinh tế nên xin trả dần mỗi ngày 50.000 đồng cho đến khi hết số nợ trên.

* Người làm chứng:

1.Chị Võ Hồng Cẩm N trình bày:

Chị có tham gia chung dây hụi 1.000.000 đồng, theo sổ hụi số 01 và 02 như chị T trình bày, chị tham gia 03 phần, đã hốt một phần. Chị nghe chị T nói lại là chị T tham gia nhưng chưa hốt phần nào. Đồng thời, xác định có trực tiếp chứng kiến việc thương lương nợ hụi giữa vợ chồng chị T với vợ chồng chị C tại nhà của chị T, nhưng không nhớ thời gian cụ thể. Các bên thống nhất số tiền mà chị C còn thiếu chị T là 97.000.000 đồng. Khi chị T yêu cầu chị C viết biên nhận thì chị C không đồng ý.

2. Anh Nguyễn Tấn C1 trình bày:

Anh và vợ là Cẩm N có chứng kiến việc các bên đương sự cùng thỏa thuận chốt số tiền hụi, khi đó chị C còn nợ chị T là 97.000.000 đồng, xin trả góp một ngày 50.000 đồng cho đến khi hết nợ, nhưng anh H chị T không đồng ý, khi yêu cầu chị C viết biên nhận thì chị C không đồng ý.

3.Chị Võ Hồng Minh H1 trình bày:

Chị có tham gia chung dây hụi 1.000.000 đồng, theo sổ hụi số 01 nêu trên với chị Nguyễn Tuyết T, tham gia 01 phần, chưa hốt. Chị có đi khui hụi chung với chị T hai ba lần và sau đó có nghe chị T nói lại là chị T tham gia nhưng chưa hốt phần nào. Ngoài ra, không biết gì thêm.

4.Chị Nguyễn Thị Hồng H2 trình bày:

Chị có tham gia chung dây hụi 1.000.000 đồng, một tháng khui 01 lần, áp ngày 16/10/2020 (dl) với chị Nguyễn Tuyết T, tham gia 01 phần, đóng được 11 lần thì hốt. Chị chỉ biết là khi tham gia hụi này có chị T chơi chung, còn việc chị T tham gia cụ thể thế nào, chị C nợ tiền chị T bao nhiêu thì chị hoàn toàn không biết.

5. Đối với người làm chứng chị Nguyễn Thị Kim Ý:

Tòa án đã tống đạt và triệu tập hợp lệ, nhưng chị vẫn vắng mặt không lý do. Tòa án tiến hành lấy lời khai nhưng không được do chị Ý từ chối việc Tòa án lấy lời khai của chị.

6. Chị Phạm Kim C2 trình bày:

Chị xác định có chơi chung dây hụi 1.000.000 đồng với chị T, nhưng không nhớ rõ cụ thể thời gian, chị T tham gia bao nhiêu phần chị cũng hoàn toàn không biết.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn trình bày: Chị đã góp hụi đầy đủ cho chị C nên yêu cầu chị C có nghĩa vụ trả lại chị số tiền hụi còn nợ là 97.000.000 đồng. Nhưng do chị C đang gặp khó khăn nên chị tự nguyên rút lại một phần yêu cầu khởi kiện đối với số tiền 48.000.000 đồng, chỉ yêu cầu chị C trả lại số tiền 49.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi suất từ ngày 16/02/2022 cho đến ngày Tòa án xét xử. Yêu cầu bị đơn trả một lần số tiền này, không đồng ý cho trả dần.

- Bị đơn chị Nguyễn Thị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh P đều vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Võ Ngọc Hồng H trình bày: Thống nhất với nội dung trình bày của chị T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại số tiền hụi còn nợ là 97.000.000 đồng. Bị đơn thừa nhận có mở hụi làm chủ cho chị T tham gia, đồng ý còn nợ nguyên đơn số tiền 49.000.000 đồng. Do hoàn cảnh khó khăn nên xin trả dần mỗi ngày 50.000đồng. Tại phiên tòa, nguyên đơn đồng ý rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn trả 49.000.000 đồng. Như vậy, việc bị đơn không hoàn trả tiền hụi đã góp làm ảnh hưởng đến quyền lợi của nguyên đơn. Do đó, nguyên đơn khởi

kiện là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu đã rút, buộc bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền 49.000.000 đồng và lãi suất theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Tranh chấp giữa chị Nguyễn Tuyết T và chị Nguyễn Thị C được xác định là tranh chấp về hợp đồng góp hụi theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyễn Thị C cư trú tại ấp B, xã A, huyện C, An Giang nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Bị đơn chị C; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Thanh P cùng những người làm chứng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai những vắng mặt không lý do; Căn cứ vào Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 229 Bộ luật tố Tụng dân sự Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt theo thủ tục chung.

[2] Về nội dung tranh chấp: Nguyên đơn chị T và bị đơn chị C đều thống nhất chị T có tham gia các dây hụi do chị T làm chủ. Do chị C vỡ hụi nên hai bên có chốt lại số tiền hụi còn nợ, chị T yêu cầu trả số tiền đã góp, tổng cộng là 97.000.000 đồng, bị đơn không đồng ý với yêu cầu này, mà chỉ đồng ý trả số tiền hụi theo vốn góp là 49.000.000 đồng, xin trả dần mỗi ngày 50.000 đồng cho đến khi hết nợ. Nguyên đơn chị T không đồng ý nên phát sinh tranh chấp.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Theo chị T cung cấp 03 tờ danh sách hụi viên đều có thể hiện ngày tháng năm khui hụi, số lượng người tham gia và tên của từng hụi viên, trị giá của từng dây hụi, tuy nhiên các chứng cứ này không thể hiện các hụi viên đã đóng hay chưa do không có chữ ký xác nhận của chủ hụi và số tiền cụ thể đã đóng được là bao nhiêu.

Tuy nhiên, tại Biên bản lấy lời khai của bị đơn thể hiện bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền hụi tổng cộng là 49.000.000 đồng. Như vậy, việc chơi hụi giữa các bên là thực tế có xảy ra, giao dịch được xác lập trên cơ sở tự do, tự nguyện thỏa thuận, có nội dung và hình thức không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, phù hợp với quy định của pháp luật tại Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 471 Bộ luật Dân sự năm 2015, nên làm phát sinh, quyền và nghĩa vụ dân sự giữa các bên.

Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền hụi còn nợ là 97.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị T rút lại một phần yêu cầu đối với số tiền 48.000.000 đồng, chỉ yêu cầu chị C trả lại số tiền hụi là 49.000.000 đồng. Xét thấy, mặc dù việc chơi hụi không thể hiện chứng cứ giao nhận tiền cụ thể, nhưng bị đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền hụi là 49.000.000 đồng, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự nên yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ và phù hợp quy định pháp luật nên được chấp nhận. Việc

nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp pháp luật nên cần xem xét đình chỉ yêu cầu này.

[3] Về lãi suất:

Ban đầu nguyên đơn khởi kiện yêu cầu trả số tiền còn nợ là 97.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất. Đến ngày 19/4/2024 nguyên đơn khởi kiện bổ sung, yêu cầu bị đơn chị C có nghĩa vụ trả cho chị số tiền hụi nêu trên và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 16/02/2022 cho đến ngày Tòa án xét xử do đã vi phạm nghĩa vụ chậm trả tiền. Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận. Mặt khác, pháp luật quy định và cho phép mọi người được tham gia giao dịch xổ hụi nhằm tạo điều kiện giúp đỡ và tương trợ nhau trong việc góp vốn làm ăn đảm bảo được cuộc sống tốt hơn, nghiêm cấm việc lợi dụng hình thức chơi hụi để trục lợi và thu lãi cao, nên pháp luật đã quy định giao dịch xổ hụi là một hình thức của hợp đồng vay tài sản khi xảy ra tranh chấp, trong trường hợp này lãi suất thỏa thuận giữa các bên khi xổ hụi không rõ ràng nên cần áp dụng mức lãi suất 10% được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 và phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 22 của Nghị Định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính Phủ quy định về họ, hụi, biêu phường. Như vậy, số tiền lãi suất được xác định như sau:

Từ ngày 16/02/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 21/6/2024 là: 02 năm 04 tháng 05 ngày. Cụ thể:

49.000.000đ x 10%/năm (tức 0,0002739%/ngày) x 855 ngày = 11.475.000 đồng.

Buộc chị C có nghĩa vụ phải trả cho chị Nguyễn Tuyết T số tiền hụi và lãi tính đến ngày 21/6/2024 là: 49.000.000 đồng + 11.475.000 đồng= 60.475.000 đồng (Sáu mươi triệu, bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng).

Bị đơn chị C yêu cầu nguyên đơn cho trả dần số tiền đã nợ mỗi ngày 50.000 đồng cho đến khi hết số nợ, nhưng phía chị T không đồng ý nên Hội đồng xét xử không thể chấp nhận theo yêu cầu của bị đơn, tuy nhiên các đương sự được thỏa thuận cách trả nợ khi có quyết định của cơ quan Thi hành án.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu được chấp nhận chị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, 244, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 466 và Điều 468, Điều 471 của Bộ luật Dân sự 2015;

Điều 22, Điều 23 của Nghị Định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/2/2019 của Chính Phủ quy định về họ, hụi, biêu phường;

Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Tuyết T.

Buộc chị Nguyễn Thị C có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Tuyết T số tiền hụi vốn, lãi tổng cộng là 60.475.000 đồng (Sáu mươi triệu, bốn trăm bảy mươi năm nghìn đồng).

Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Tuyết T yêu cầu bị đơn Nguyễn Thị C phải trả số tiền hụi là 48.000.000 đồng (Bốn mươi tám triệu đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí: Chị Nguyễn Tuyết T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, nên được hoàn lại 2.425.000đồng (Hai triệu bốn trăm hai mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo phiếu thu số 0004064 ngày 30/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, An Giang.

Chị Nguyễn Thị C phải chịu 3.023.000đ (Ba triệu không trăm hai mươi ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định, để yêu cầu xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND H.Châu Thành;
- Chi cục THADS H. Châu Thành;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hà Thị Mỹ Linh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thành Hiệp **Liêu Văn Lộc** **Hà Thị Mỹ Linh**